



## Bố cục trình bày

1. Thông tin chung
2. Kết quả nghiên cứu
  - Tổng quan về đầu tư trong lĩnh vực NN của doanh nghiệp VN ở Lào và Campuchia
  - Các đóng góp tích cực của doanh nghiệp VN
  - Những tồn tại - hạn chế
    - Giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chấp thuận dự án
    - Giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng
    - Giai đoạn đầu tư, thực hiện dự án
    - Giai đoạn đóng/chuyển giao dự án
    - Các vấn đề khác: tiếp cận thông tin, tuân thủ pháp luật
3. Các đề xuất – kiến nghị

Page 2



## 1. Thông tin chung: Sự cần thiết của nghiên cứu

- Nhà nước có chủ trương khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, nhất là trong khu vực Đông Dương
  - Doanh nghiệp Việt Nam đang lớn mạnh và là động lực phát triển của quốc gia và khu vực
- ↓
- Ngày càng có nhiều doanh nghiệp VN đầu tư ra nước ngoài để phát triển thị trường và một phần cũng do quỹ đất phát triển nông nghiệp (đặc biệt quy mô lớn) tại VN ngày càng hạn hẹp
  - Các doanh nghiệp VN đầu tư ra nước ngoài đã đạt được một số kết quả ban đầu, nhưng cũng còn nhiều khó khăn, trở ngại
  - Hiện nay, hầu hết các hoạt động nghiên cứu và vận động liên quan đến đầu tư của các doanh nghiệp VN do nước tiếp nhận đầu tư thực hiện → Rất cần một n/c từ phía VN

Page 3



## Thông tin chung: Mục tiêu dài hạn

Các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp tại Campuchia và Lào sẽ tiên phong trong thực hiện các chuẩn mực tốt nhằm góp phần đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan (doanh nghiệp VN, chính quyền địa phương và người dân tại vùng dự án đầu tư...) qua đó góp phần nâng cao vai trò, vị trí của Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam đầu tư trong vùng Mê Kông.

### Các mục tiêu cụ thể

1. Đánh giá được thực trạng, thuận lợi, khó khăn và thách thức của các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp tại Campuchia và Lào
2. Đưa ra được các khuyến nghị và bộ quy tắc ứng xử nhằm tăng cường trách nhiệm môi trường – xã hội của các doanh nghiệp VN đầu tư tại Campuchia và Lào

Page 4



## Thông tin chung: Phương pháp tiếp cận

- Thực hiện nghiên cứu để nhận dạng các thuận lợi, cơ hội và thách thức của các doanh nghiệp VN đầu tư trong lĩnh vực NN tại Lào và Campuchia
- Tổ chức các hội thảo / tọa đàm tham vấn nhằm tạo sự đồng thuận về các cơ hội, thách thức
- Xây dựng bộ hướng dẫn đầu tư ra nước ngoài có trách nhiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam

Page 5



## Thông tin chung: Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập & phân tích số liệu thứ cấp:
  - Số liệu về đầu tư ra nước ngoài (Lào & Campuchia) trong lĩnh vực nông nghiệp của Cục đầu tư nước ngoài
  - Số liệu về tình hình đầu tư của các doanh nghiệp VN do các cơ quan của Lào và Campuchia cung cấp
  - Tham khảo các báo cáo nghiên cứu trước đây
- Khảo sát thực địa tại Lào, Campuchia, Việt Nam:
  - 1 chuyên tại mỗi nước vào tháng 5, 6 và 7.
- Gặp và thảo luận với các bên liên quan
- Quan sát thực địa
- Tổ chức tọa đàm, hội thảo tham vấn

Page 6



## Thông tin chung: Đối tác nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện bởi sự hợp tác giữa VCC-PanNature và Oxfam tại Việt Nam

### Đối tác tại Lào:

- Bộ Nông lâm nghiệp Lào; chính quyền và cộng đồng các tỉnh Attapeu, Champasak, Savannakhet
- Global Association of People and Environment (GAPE), Japan International Volunteer Center, AVIL, IDP
- Công ty: HAGL, Tín Nghĩa, Cty cao su Việt – Lào Rubber, VRG

### Đối tác tại Campuchia:

- Diễn đàn các tổ chức Phi chính phủ
- Chính quyền và cộng đồng các tỉnh Kratie, Ratanakiri
- Công ty: Dầu Tiếng, SBK tại tỉnh Kratie, Công ty 30/4 tại Ratanakiri (đã chuyển nhượng sang Công ty 74).

**Đối tác tại Việt Nam:** Cục đầu tư nước ngoài, các Hiệp hội doanh nghiệp và các công ty trực thuộc VRG, Tín Nghĩa, HAGL<sup>7</sup>



Page 8



## 2. Kết quả nghiên cứu: Cơ hội và những thuận lợi cho các doanh nghiệp VN

1. Chủ trương và sự quan tâm, hỗ trợ của Nhà nước Việt Nam cho các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài (Luật đầu tư vào ngày 26/11/2015; Nghị định 83/2015/NĐ-CP Quyết định 236/QĐ-TTg...)
2. Chủ trương mở cửa, thu hút nhà đầu tư của Campuchia và Lào
3. Quỹ đất rộng lớn với nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi, đất đai khá màu mỡ
4. Nhiều người dân và doanh nghiệp VN đã sinh sống và làm ăn lâu năm tại Campuchia và Lào
5. Nhiều tỉnh có thỏa thuận hợp tác với các địa phương của Lào & Campuchia
6. Thỏa thuận hợp tác giữa các công ty VN và địa phương của Lào & Campuchia

Page 9



## Kết quả nghiên cứu: Tổng quan đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp của doanh nghiệp VN tại Lào và Campuchia

	Campuchia	Lào
<b>Số dự án</b>	36	15
<b>Diện tích (ha)</b>	228.862	69.080
<b>% tổng diện tích</b>	1,3%	0,3%
<b>Tỷ lệ đầu tư cao su</b>	94%	77%



Các sản phẩm khác: gỗ, hạt điều, sắn, chăn nuôi, café

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài, 2016

Page 10



## Các phát hiện chính: Đóng góp tích cực của doanh nghiệp VN tại Lào và Campuchia

- Góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội ở một số địa phương có doanh nghiệp VN đầu tư (VD: HALG đóng góp vào phát triển Attapur của Lào)
- Góp phần cải thiện cơ cấu kinh tế của nước tiếp nhận đầu tư: hiện đại hóa, công nghiệp hóa nền kinh tế Lào & Campuchia
- Góp phần tăng nguồn thu ngân sách cho Chính phủ và Chính quyền địa phương ở các nước tiếp nhận đầu tư
- Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương ở các nước sở tại (VD: 40 ngàn lao động tại Lào)
- Góp phần tăng cường hợp tác kinh tế, tăng cường đoàn kết giữa Việt Nam và các Quốc gia trong khu vực

Page 11



## Các phát hiện chính: Đóng góp tích cực của doanh nghiệp VN

Mặc dù chưa có chính sách CSR cụ thể, hoàn chỉnh nhưng các doanh nghiệp VN (HAGL, Tín Nghĩa và các công ty thuộc tập đoàn cao su VN...) đã và đang có đóng góp cụ thể cho cộng đồng, ví dụ:

- Làm đường giúp phát triển kinh tế địa phương, xây dựng trường học, đường điện tại khu vực đầu tư.
- Hỗ trợ xây chùa phục vụ đời sống tâm linh cộng đồng
- Xây dựng trạm xá và hỗ trợ người dân khám chữa bệnh
- Hỗ trợ người dân trồng cây ngăn ngày (sắn) tạo thu nhập
- Hỗ trợ học bổng cho học sinh trong tỉnh kết nghĩa (Tín Nghĩa)
- Phát triển mô hình hợp tác công – tư trong phát triển kinh tế

Page 12



## Các phát hiện chính: Những tồn tại, thách thức

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chấp thuận dự án
- Giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng
- Giai đoạn thực hiện
- Giai đoạn đóng/chuyển giao dự án
- Các vấn đề khác: tiếp cận thông tin, tuân thủ pháp luật

Page 13



## Các tồn tại: giai đoạn chuẩn bị đầu tư/chấp thuận dự án đầu tư

### Lập kế hoạch đầu tư:

- Cả Campuchia và Lào hiện có chính sách khuyến khích và môi trường đầu tư khá thuận lợi cho các công ty Việt Nam (bao gồm cả ưu đãi thuế)
- Luật pháp, chính sách của các nước còn nhiều bất cập. Không có hướng dẫn rõ ràng cho nhà đầu tư. Đồng thời, các Doanh nghiệp chưa đầu tư nghiêm túc, đầy đủ để hiểu rõ về luật pháp và thực tiễn đầu tư tại Lào và Campuchia;
- Các công ty làm việc trực tiếp với chính quyền TW, đôi khi bỏ qua chính quyền địa phương (nhất là ở Campuchia).
- Thiếu kế hoạch đầu tư bài bản và tổ chức thực hiện nghiên cứu tiền khả thi đầy đủ (đặc biệt là nghiên cứu về văn hóa, phong tục tập quán; chế độ sử dụng và sở hữu đất đai)
- Thiếu một kế hoạch CSR rõ ràng và mang tính dài hạn



## Các tồn tại: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư/chấp thuận đầu tư

### Đánh giá tác động môi trường

- Các yêu cầu về ĐTM ở 2 Quốc gia đều còn rất lỏng lẻo, dù ở Campuchia các yêu cầu và quy định về ĐTM chặt chẽ hơn ở Lào
- Campuchia đang soạn luật về ĐTM, tại Lào QH cũng đang thúc đẩy luật về môi trường, xã hội
- Trên thực tế, việc thực hiện báo cáo ĐTM của các doanh nghiệp thường không được tiến hành bài bản, không có các tham vấn cộng đồng và chính quyền địa phương. Về cơ bản báo cáo ĐTM mang tính đối phó nhằm đảm bảo thủ tục – hồ sơ.

Page 15



## Các tồn tại: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư/chấp thuận đầu tư

### Cấp Giấy phép đầu tư

- Tùy từng Quốc gia, việc cấp phép được phân cấp cho chính quyền các cấp, tùy thuộc vào diện tích và mức đầu tư. Tuy nhiên quy định này không phải lúc nào cũng được tuân thủ.
- Việc cấp phép không được ghi chép, lưu trữ một cách đầy đủ. Đôi khi có ngoại lệ ví dụ như cấp nhiều đất hơn hạn mức tối đa.
- Thiếu thông tin về các giấy phép đã được cấp khi liên quan đến lợi ích cộng đồng.

Page 16



## Các tồn tại: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư/chấp thuận đầu tư

### Lập bản đồ, xác định ranh giới lô đất và xác nhận quyền sở hữu đất đai

- Tranh chấp, xung đột đất đai giữa doanh nghiệp và người dân diễn ra phổ biến ở cả 2 quốc gia
- Nguyên nhân dẫn đến xung đột đất đai là vì:
  - Thiếu kiểm tra thực địa (Campuchia), lẫn lộn giữa đất của dân và nhà nước (Lào).
  - Sử dụng khái niệm "khai hoang" trong giải phóng mặt bằng, xác định ranh giới các lô đất trên thực địa
  - Các công ty rào đất, dọn dẹp đất mà không có thỏa thuận với dân cư khu vực.
  - Quy định/luật lệ về sở hữu đất phức tạp, không thống nhất
  - Các công ty không có nghiên cứu về văn hóa, phong tục tập quán, sinh kế và các chế độ sở hữu đất đai ở các địa phương

Page 17



## Các tồn tại: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư/chấp thuận đầu tư

### Đền bù:

- Không có khung giá cụ thể, mà Công ty phải đàm phán thỏa thuận trực tiếp với người dân: vừa không công bằng cho người dân vừa gây khó khăn cho doanh nghiệp
- Việc đền bù, nếu có, thường thấp hơn giá trị thị trường và các phương án khác, không có quy chuẩn.
- Không có đền bù cho việc sử dụng và giá trị của đất không có sở hữu cá nhân (mặc dù một số trường hợp đền bù theo hình thức CSR).
- Người dân ít có thông tin và không biết liệu việc đền bù có thỏa đáng hay không.

Page 18



## Các tồn tại: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư/chấp thuận đầu tư

### Giải quyết xung đột

- Người dân bị áp lực hoặc ép buộc nhận đền bù (nếu có). Có trường hợp công ty và chính quyền sử dụng lực lượng an ninh/quản sự để bảo vệ công ty, chèn ngòi cho xung đột.
- Các lựa chọn pháp lý để giải quyết xung đột còn hạn chế, không trung lập, trong khi luật pháp thì có thể diễn giải theo nhiều cách, tùy thuộc vào vị trí quyền lực, các hiểu, cách diễn giải của mỗi bên.
- Các hình thức khác thông qua kênh đa bên, hoặc phương pháp có sự tham gia có thể là các giải pháp để ngăn chặn và giải quyết các xung đột.

Page 19



## Các tồn tại: Giai đoạn đầu tư, thực hiện dự án

### Sử dụng lao động địa phương và các điều kiện làm việc

- Chính sách của Lào quy định tỷ lệ 90:10 cho lao động phổ thông và 80:20 cho lao động có trình độ.
- Do thiếu nhân lực có kỹ năng, các công ty thích tuyển nhân sự là người Việt Nam (mặc dù phí visa, giấy phép lao động cao).
- Lương thấp, đôi khi chậm trả lương, thiếu hợp đồng và bảo hiểm xã hội.
- Điều kiện làm việc không tốt; điều kiện ăn ở; sử dụng hóa chất;
- Đã có những xung đột giữa công nhân Việt Nam và nước sở tại, giữa người địa phương và công nhân từ tỉnh khác tới

Page 20



## Các tồn tại: Giai đoạn đầu tư, thực hiện dự án

### Đóng góp vào sự phát triển của khu vực/quốc gia sở tại

- Đóng góp vào ngân sách nhà nước thấp hơn dự kiến do ưu đãi về thuế, phí.
- Đóng góp về lao động địa phương thấp hơn dự kiến (kể cả thiết bị, nguyên liệu cũng nhập từ VN).
- Các công ty có lúc không tuân thủ cam kết về CRS đã hứa với người dân và chính quyền địa phương trước khi triển khai dự án.
- Các đóng góp của doanh nghiệp chưa đủ bù đắp được các tác động tiêu cực về an ninh lương thực, đa dạng sinh học, tương lai các thế hệ kế tiếp.

Page 21



## Các tồn tại: Giai đoạn đầu tư, thực hiện dự án

### Tuân thủ hợp đồng

- Một số công ty giải tỏa đất ngoài phạm vi hợp đồng cho phép, chiếm đất chặt rừng, chiếm đất trong khu vực bảo tồn.
- Một số trường hợp không làm đúng kế hoạch đầu tư kinh doanh đã được phê duyệt.

Page 22



## Các tồn tại: Giai đoạn kết thúc/chuyển giao

- Có trường hợp công ty bỏ dự án sau khi dọn dẹp đất đai để lấy gỗ.
- Có công ty đổi tên để tránh chi trả chi phí lao động vào giai đoạn cuối dự án.
- Một số công ty chuyển hợp đồng cho các công ty khác mà không đổi tên chính thức vì khó khăn về thủ tục.
- Cộng đồng địa phương, và thậm chí chính quyền địa phương, thường không nắm rõ tên công ty, các điều khoản của hợp đồng, chủ công ty...
- Dọn dẹp dự án: Đặc biệt đối với các dự án khai thác khoáng sản – đóng cửa mỏ

Page 23



## Các tồn tại: tiếp cận thông tin – công khai, minh bạch

- Thiếu quy trình đầu tư rõ ràng, nguồn cung cấp thông tin và hỗ trợ.
- Thiếu minh bạch về các điều khoản hợp đồng
- Không công bố, phổ biến đầy đủ về thông tin dự án đến chính quyền địa phương và các cộng đồng bị ảnh hưởng
- Trao đổi thông tin giữa các cấp chính phủ không đầy đủ, thiếu phối hợp - Thiếu cơ chế tham vấn cộng đồng trong quá trình xây dựng, triển khai dự án.

Page 24



## Các tồn tại: Tuân thủ luật pháp

- Các công ty có lúc không tuân thủ tốt khung luật pháp, chính sách tại Lào và Campuchia.
- Các quy định ở Lào và Campuchia có thể thay đổi đột ngột, gây khó khăn cho các công ty.
- Chưa tuân thủ các quy định quốc tế về nhân quyền và những giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực về môi trường và xã hội.

Page 25



## 3. Các đề xuất – kiến nghị

### Đối với các doanh nghiệp Việt Nam

- Thực hiện các nghiên cứu, đánh giá đầy đủ về văn hóa, phong tục tập quán, chế độ sử dụng và sở hữu đất đai ngay từ đầu dự án
- Tăng cường sự tham gia của người dân ngay từ đầu và trong suốt quá trình thực hiện dự án theo nguyên tắc FPIC
- Có kế hoạch dài hạn về đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực địa phương ngay từ đầu khi bắt đầu triển khai dự án
- Thiết lập các kênh đối thoại để giải quyết các xung đột với cộng đồng, tránh dùng vũ lực hoặc dựa vào sức mạnh của chính quyền để giải quyết vấn đề.
- Có chính sách CSR rõ ràng, bài bản và hạn chế dần các chính sách “cho”, cứu trợ ngắn hạn
- Tham gia hướng dẫn tự nguyện của VCCI-PanNature-Oxfam

Page 26



## Đề xuất – kiến nghị

### Đối với chính phủ và các cơ quan hữu quan Việt Nam:

- Quan tâm và áp dụng các quy định liên quan đến trách nhiệm xã hội và giảm thiểu tác động môi trường trong các chính sách, quy định về đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam
- Đưa ra các cơ chế hữu hiệu để hỗ trợ, điều phối hoạt động đầu tư ra nước ngoài (các cơ quan quản lý nhà nước, Đại sứ quán và các Hiệp hội đầu tư)
- Thúc đẩy các doanh nghiệp tuân thủ Hướng dẫn tự nguyện về quản trị đất đai của Ủy ban An ninh Lương thực LHQ và các hướng dẫn hiện hành khác về đầu tư có trách nhiệm.
- Các ngân hàng Việt Nam cần đánh giá các nguy cơ môi trường và xã hội trước khi cho vay đầu tư ra nước ngoài.

Page 27



## Đề xuất – kiến nghị

### Đối với chính phủ và các cơ quan hữu quan Lào & Campuchia:

- Xây dựng khung pháp lý nhất quán và hữu hiệu liên quan đến quy trình đầu tư, phân cấp phê duyệt đầu tư, đánh giá môi trường – xã hội.
- Có chính sách nhất quán về thời hạn đầu tư, diện tích thuê đất, các ưu đãi đầu tư.
- Quan tâm giải quyết các vướng mắc về thuế quan, phí giấy phép lao động.
- Phối hợp với các công ty có chiến lược đào tạo và sử dụng lao động tại chỗ. Đưa ra lộ trình hợp lý về việc sử dụng người lao động địa phương.
- Thúc đẩy việc tuân thủ Hướng dẫn tự nguyện về quản trị đất đai của Ủy ban An ninh Lương thực LHQ và các hướng dẫn hiện hành khác về đầu tư có trách nhiệm.

Page 28



**Xin trân trọng  
cảm ơn và mong  
nhận được ý  
kiến đóng góp!**

